

Bản án số: 649/2022/DS-PT

Ngày 16- 9- 2022

*V/v “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu;
Tranh chấp về thừa kế tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc: *“Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Tranh chấp về thừa kế tài sản”.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 373/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 963/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Tôn Nữ Thu T**, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Phòng số 739, chung cư 47–57 Nguyễn Thái B, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông luật sư **Nguyễn Cao T**, Công ty Luật TNHH S, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

2. Ông luật sư **Trần Đình D**, Công ty Luật TNHH S, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: **Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Địa chỉ: Số 25/5 đường H, Phường 4, quận Tân B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Mạnh C**, Trưởng phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Quốc D**, Phó trưởng phòng (có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 502/UQ-CC4 ngày 11/9/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Tôn Nữ Mai H**, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số 105/37 đường Hoàng B, Phường 15, quận Tân B, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Phòng số 739, chung cư 47–57 Nguyễn Thái B, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố H.

2. Bà **Tôn Nữ Ánh T (TUYET ANH TON N)**, sinh năm 1960.

Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: 4915 Southside Dr Louisville KY 40214, Jefferson County, USA (KENTUCKY).

3. Bà **Tôn Nữ Bạch Nhạn**, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 90 đường Nguyễn Văn C, Phường 3, Quận G, Thành phố H.

4. Bà **Tôn Nữ Hồng V**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số 5/7 đường Số 15, Khu phố 3, phường B, Quận 2, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Phòng số 739, chung cư 47–57 Nguyễn Thái B, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố H.

5. Bà **Tôn Thanh L**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số 151/2 đường Đồng K phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Phòng 739, chung cư 47–57 Nguyễn Thái B, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố H.

6. Ông **Tôn Thất T**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 58 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố H.

7. Bà **Tôn Thanh H**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số 58 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Phòng số 739, chung cư 47–57 Nguyễn Thái B, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố H.

8. Ông **Tôn Thất T** sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Phòng số 518, Chung cư 47 – 57 Nguyễn Thái B, phường Nguyễn Thái B, Quận 1, Thành phố H.

9. Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Trẻ **Tôn Thất T1**, sinh năm 2002 (vắng mặt)

11. Trẻ **Tôn T2**, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 58 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố H.

Bà **Trần Thị Kim T** là Người đại diện theo pháp luật của trẻ Tôn Thất T1 và trẻ Tôn T2 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Bà **Vũ Thị Kim T**, sinh năm 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 78 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố H.

2. Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 58 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố H.

* Người kháng cáo: nguyên đơn là bà Tôn Nữ Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2018 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/11/2018, nguyên đơn – bà Tôn Nữ Thu T trình bày:

Nhà đất tại Số 58 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Căn nhà số 58) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 23266/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 31/12/2002 cho cha mẹ là cụ Tôn Thất B (chết năm 1996) và cụ Đỗ Thị Ngọc N (chết năm 2016). Trong thời gian chung sống hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác ngoài 09 người con, gồm:

1. Bà Tôn Nữ Thu T, sinh năm 1956.

2. Bà Tôn Nữ Mai H, sinh năm 1958.

3. Bà Tôn Nữ Ánh T(TUYET ANH TON NU), sinh năm 1960.

4. Bà Tôn Nữ Bạch Nhạn, sinh năm 1961.

5. Bà Tôn Nữ Hồng V, sinh năm 1963.

6. Bà Tôn Thanh L, sinh năm 1964.

7. Ông Tôn Thất T, sinh năm 1967.

8. Bà Tôn Thanh H, sinh năm 1969.

9. Ông Tôn Thất T sinh năm 1975.

Năm 1996, sau khi cụ Tôn Thất B chết, phần tài sản là ½ Căn nhà số 58 đã được cụ Đỗ Thị Ngọc N và 09 anh chị em khai nhận thừa kế theo pháp luật và đã đóng thuế trước bạ ngày 14/02/2003.

Ngày 09/01/2016, cụ Đỗ Thị Ngọc N chết tại nhà, sau 02 lần tai biến, đột quỵ phải nằm một chỗ, không tự sinh hoạt được từ năm 2010. Các con phải thay phiên nhau túc trực chăm sóc ngày đêm.

Đầu năm 2018, ông Tôn Thất T giao cho bà bản sao Di chúc Số công chứng số 027913, của cụ Đỗ Thị Ngọc N do Phòng Công chứng số 4 lập ngày 18/7/2012 (gọi tắt là Di chúc ngày 18/7/2012), có nội dung cụ để lại toàn bộ quyền sở hữu là một phần Căn nhà số 58 cho ông Tôn Thất T. Nguyên đơn đã liên hệ Phòng Công chứng số 4 và yêu cầu hủy Di chúc này do tại thời điểm lập di chúc, cụ Đỗ Thị Ngọc N bị bệnh nặng, không còn tỉnh táo, không còn đủ năng lực hành vi để quyết định tài sản. Phòng Công chứng số 4 công chứng văn bản di chúc này là trái quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, nhưng Phòng Công chứng số 4 không đồng ý giải quyết.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1/ Tuyên hủy Di chúc số 027913 do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 18/7/2012;

2/ Tuyên hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 027894 do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 10/7/2017;

3/ Công nhận toàn bộ tài sản của cụ Đỗ Thị Ngọc N có giá trị 11/20 (mười một phần hai mươi) nhà đất tại Số 58 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế theo pháp luật của các đồng thừa kế gồm: Bà Tôn Nữ Thu T, bà Tôn Nữ Mai H, bà Tôn Nữ Ánh Tuyết, bà Tôn Nữ Bạch Nhạn, bà Tôn Nữ Hồng V, bà Tôn Thanh L, ông Tôn Thất T, bà Tôn Thanh H và ông Tôn Thất T. Các đồng thừa kế được ghi tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 23266/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 31/12/2002, đối với phần tài sản của cụ Đỗ Thị Ngọc N.

Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Phòng Công chứng số 4 sử dụng chứng minh nhân dân được cấp năm 1986, đã hết hạn sử dụng 15 năm, để công chứng là không đúng quy định tại Điều 2; Điều 7 Nghị định số 05/1999 của Chính phủ. Chủ thể trên Di chúc ghi là ông Đỗ Thị Ngọc N, sai giới tính, không đúng tên ghi trong chứng minh nhân dân là Đỗ Thị Ngọc M. Ông Tôn Thất T là người được hưởng di sản có đơn đề nghị ngày 17/7/2012 yêu cầu Phòng Công chứng số 4 đến tại nhà lập Di chúc, mà không có chữ ký của cụ là

không đúng với ý muốn của cụ. Cụ Đỗ Thị Ngọc N có bảo hiểm y tế và thường xuyên chữa bệnh ở Bệnh viện Quận 10, Bệnh viện Nhân dân 115 (mã thẻ BHYT số GD779070111078779027). Do đó Giấy khám sức khỏe ngày 11/7/2012 do Bệnh viện quận Tân B chứng nhận là không hợp lý. Chữ ký của cụ trên Di chúc là chữ ký bị đồ nét, do người khác cầm tay ký nên không giống nhau. Nhưng nguyên đơn xác định không yêu cầu giám định chữ ký vì không thể cung cấp được mẫu chữ ký, do cụ không biết chữ, không giao dịch giấy tờ. Ngoài ra, Di chúc do Phòng công chứng số 4 nộp tại Tòa án không có chữ ký của công chứng viên tại trang 1, 2 và khi thực hiện lập di chúc không có sự chứng kiến của tất cả các con, làm cho Di chúc không có giá trị.

Người làm chứng là ông Nguyễn Quốc T, tại thời điểm lập di chúc đang thuê một phần căn nhà và được ông Tôn Thất T hứa hẹn bán rẻ nhà đất nêu trên (bà chỉ nghe nói, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh). Mặc khác, khi lập di chúc, ông T không có mặt, chỉ ký vào di chúc sau khi được công chứng viên lập xong và không xác nhận bất kỳ nội dung nào vào di chúc. Hiện nay, ông T không còn thuê nhà nên nguyên đơn không biết địa chỉ cư trú hiện nay của ông T. Tại Biên bản làm việc ngày 23/4/2018, luật sư và nguyên đơn có mời đại diện của Khu phố chứng kiến buổi làm việc và ghi nhận ý kiến của bà Vũ Thị Kim T có nội dung: bà T nghe cụ N làm giấy cho ông Tuấn ở mà không cho luôn và bác bỏ ý kiến làm chứng tại Di chúc ngày 18/7/2012. Do đó, hai người làm chứng trong di chúc không hợp lệ.

Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 10/10/2017, Phòng Công chứng số 4 không niêm yết tại Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Tân B và di sản đang tranh chấp nhưng trong văn bản khai nhận lại ghi là không ai tranh chấp là không đúng thực tế.

Nguyên đơn xác định hiện trạng vị T Căn nhà số 58 là đúng theo Bản đồ hiện trạng vị T do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 15/7/2019. Đồng ý với giá trị nhà đất tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số 020820.CTHCM ngày 31/8/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá T là 5,503,000,000 đồng (năm tỷ, năm trăm lẻ ba triệu đồng). Hiện nay, những người đang thực tế sinh sống tại Căn nhà đất số 58 gồm ông Tôn Thất T, bà Trần Thị Kim T và trẻ Tôn Thất T1 và trẻ Tôn T2, không cho ai thuê mượn.

Bị đơn – Phòng Công chứng số 4 có ông Đỗ Quốc Dũng đại diện ủy quyền trình bày như sau:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với các lý do

sau: không có bất kỳ một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định về việc khi một người lập di chúc phải có sự chứng kiến của các con. Việc cụ Đỗ Thị Ngọc N sử dụng chứng minh nhân dân đã quá thời hạn 15 năm cũng không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định pháp luật. Tại thời điểm công chứng, chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Ngọc M, nhưng công chứng viên ghi tên trên Di chúc là Đỗ Thị Ngọc N là có sai sót, nhưng đúng người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 23266/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 31/12/2002. Ngoài ra chính nguyên đơn cung cấp cho Tòa án công văn số 774/PC64-DD3 ngày 14/6/2019 của Phòng cảnh sát QLHC về TTXH đã xác định “*Bà Đỗ Thị Ngọc N, sinh ngày 15/7/1936, nguyên quán Hà Nội. Ngày 22/7/1986, do sơ suất Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng minh nhân dân số 022320132 mang tên Đỗ Thị Ngọc M, đến ngày 18/7/2019 công an Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp lại chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Ngọc N*”. Do đó có thể xác định người mang tên Đỗ Thị Ngọc M và Đỗ Thị Ngọc N là một người và đúng chủ thể đã lập di chúc.

Tại thời điểm công chứng, cụ Đỗ Thị Ngọc N mặc dù mang trong người nhiều căn bệnh như thoái hóa khớp, đái tháo đường, bệnh thận nhưng hoàn toàn không có bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Tại bản sao tóm tắt bệnh án ngày 30/3/2018 của Bệnh viện Quận 10 và bản tóm tắt bệnh án ngày 14/3/2018 của Bệnh viện Nhân dân 115 do nguyên đơn cung cấp có nội dung tại thời điểm cụ bà N nhập viện điều trị (ngày 15/5/2014) và tại thời điểm ra viện thì cụ ở trong tình trạng tỉnh, tiếp xúc tốt. Nội dung bệnh án của hai bệnh viện trên đều không có ghi việc cụ bà N không còn minh mẫn, tỉnh táo.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận tài sản của cụ Đỗ Thị Ngọc N tại Căn nhà số 58 là di sản thừa kế của các đồng thừa kế có tên sau: Bà Tôn Nữ Thu T, bà Tôn Nữ Mai H, bà Tôn Nữ Ánh Tuyết, bà Tôn Nữ Bạch Nhạn, bà Tôn Nữ Hồng V, bà Tôn Thanh L, ông Tôn Thất T, bà Tôn Thanh H và ông Tôn Thất T bị đơn không đồng ý, do cụ Đỗ Thị Ngọc N đã tự định đoạt quyền sở hữu của cụ trong toàn bộ nhà đất nêu trên cho ông Tôn Thất T trong di chúc, Phòng Công chứng số 4 không có quyền từ chối yêu cầu công chứng, theo quy định.

Dù có những sai sót nhỏ như Phiếu công chứng, chữ ký của công chứng viên tại từng trang, sai giới tính của cụ, nhưng Công chứng viên có thể chỉnh sửa và hơn hết những sai sót này cũng không ảnh hưởng đến quyền tự định đoạt tài sản của cụ Đỗ Thị Ngọc N.

Về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc do Công chứng viên Phòng Công chứng số 4 chứng nhận đã không còn, nên bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu được quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án. Trường hợp, Tòa án có căn cứ cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn thì bị đơn đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với Biên bản làm việc ngày 23/4/2018, theo Phòng Công chứng số 4 thì đây không phải là tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 do đây là tài liệu mà luật sư và nguyên đơn tự đến nhà bà Vũ Thị Kim T để hỏi, văn bản do các bên tự lập và không có sự chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền. Trong biên bản làm việc này, bà T có trả lời là không được mời đến làm chứng nhưng trong Di chúc ngày 18/7/2012, trong khi bà T có ký và ghi họ tên, đồng thời có xác nhận là chứng kiến Công chứng viên đã đọc di chúc cho cụ N nghe.

Bị đơn không có ý kiến về Bản đồ hiện trạng vị T do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 15/7/2019 và giá trị nhà đất tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số 020820.CTHCM ngày 31/8/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá T là 5,503,000,000 đồng (năm tỷ, năm trăm lẻ ba triệu đồng). Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bị đơn không có yêu cầu đo vẽ lại và thẩm định giá lại nhà đất trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Tôn Thất T trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do khi lập Di chúc cụ Đỗ Thị Ngọc N có đủ năng lực hành vi dân sự, tinh thần minh mẫn sáng suốt, nội dung Di chúc không vi phạm pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, văn bản khai nhận di sản thừa kế được lập đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật. Ông không biết cụ Đỗ Thị Ngọc N có bảo hiểm y tế nên thường xuyên đưa đi khám dịch vụ để nhanh gọn.

Ông Tôn Thất T đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về ½ nhà đất tại Số 58 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh đã được cụ Đỗ Thị Ngọc N cùng 09 anh chị em của ông khai nhận thừa kế theo pháp luật và đã đóng thuế trước bạ ngày 14/02/2003.

Biên bản đồng thuận phân chia giá trị tài sản thừa kế trong gia đình ngày 19/02/2018 ông có ký nhưng không đồng ý tiếp tục thực hiện. Người làm chứng

trong Di chúc là bà Vũ Thị Kim T là bạn thân và cũng là hàng xóm gần nhà; ông Nguyễn Quốc T trước đây có thuê nhà để kinh doanh nhưng nay không còn, nên ông Tuấn không biết địa chỉ cư trú mới.

Ông Tôn Thất T không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và các anh chị em nêu mẹ không có tiền, mà khi mua nhà các chị em phải bỏ tiền ra phụ giúp cũng như trong quá trình sinh sống các chị em ông phải bỏ tiền ra chăm sóc nuôi dưỡng mẹ. Cụ thể ngay sau khi mẹ chết các anh chị em chia nhau tiền của mẹ để lại mỗi người nhận gần 60,000,000 đồng. Việc chăm sóc mẹ là tất cả đều cùng nhau chăm sóc như trình bày của nguyên đơn. Ngoài ra, ông Tuấn xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông sẽ khởi kiện Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại bằng vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Kim T có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản khai bà trình bày: Bà là vợ của ông Tôn Thất T và là người đại diện theo pháp luật của trẻ Tôn Thất T1, trẻ Tôn T2. Bà có cùng ý kiến với ý kiến của ông Tôn Thất T. Đồng thời bà xác định không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Tôn Nữ Mai H trình bày: Bà đồng ý với toàn bộ ý kiến của nguyên đơn, xác định Căn nhà số 58 là của cha mẹ, nhưng để mua được căn nhà này là nhờ công sức làm việc, góp tiền mua của các chị em. Những vật dụng trong nhà và tiền chi tiêu hàng tháng của mẹ đều do các anh chị em trong nhà đóng góp, vì mẹ ở nhà nội trợ không làm ra tiền. Tuy nhiên bà cũng xác định tại thời điểm mua nhà các chị em bà còn nhỏ và đang đi học, việc góp tiền không có chứng cứ để chứng minh. Lúc sinh thời mẹ bà không biết chữ, mắt mờ, tai lãng nên không thể ký vào Di chúc. Tại các buổi họp gia đình mẹ bà cũng không có ý định cho ai riêng căn nhà này, không phân biệt trai gái, để chung cho các con cùng ở. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Tôn Thất T trình bày: Ông có cùng ý kiến với ý kiến của nguyên đơn. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Tôn Nữ Hồng V trình bày: Bà có cùng ý kiến với ý kiến của nguyên đơn. Trong thời gian chăm sóc mẹ, các anh chị em trong nhà đều chia ca, phân lịch trực. Nhưng ông Tuấn tự ý làm Di chúc, không xem xét đến quyền lợi, công sức chăm sóc mẹ của các anh chị em là không hợp lý, trái với đạo đức xã hội. Khi mẹ mất, ông Tôn Thất T không cho

các anh chị em vào nhà, không cho xây dựng, sửa chữa căn nhà nêu trên, chia rẽ tình cảm gia đình. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Tôn Thanh L trình bày: Mẹ bà đã từng nói với bà là căn nhà nêu trên, sẽ để lại cho 09 anh chị em cùng sử dụng. Nên bây giờ ông Tuấn cung cấp di chúc của mẹ với nội dung để lại quyền sở hữu của mẹ trong toàn bộ căn nhà này cho ông Tuấn là không hợp lý, làm ngược lại lời nói của mẹ. Ông Tuấn không xem xét đến sự đóng góp, chăm sóc của anh chị em trong nhà mà tự ý làm Di chúc này là trái đạo đức xã hội. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Tôn Nữ Bạch Nhạn trình bày: Bà có cùng ý kiến với nguyên đơn. Việc ông Tôn Thất T tự ý lập di chúc là không xem xét đến công sức đóng góp của các anh chị em trong nhà. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Tôn Thanh H trình bày: Năm 2012, ông Tôn Thất T đã giữ toàn bộ giấy tờ nhà mẹ bà để dưới gối ngay đầu giường, khi đưa mẹ đến bệnh viện cấp cứu vì bị đột quỵ. Bà có báo cho mẹ biết nhưng được mẹ bà đồng ý để ông Tuấn tiếp tục giữ. Trong thời gian chăm sóc mẹ đã nhiều lần nói căn nhà để cho 09 anh chị em cùng sử dụng, quản lý. Tuy nhiên ông Tuấn gây sự nhằm đuổi bà ra khỏi nhà, không cho ở và công an phải giải quyết sự việc. Ông Tuấn dù có Di chúc của mẹ nhưng đã che giấu cho đến khi sự việc các anh chị em mâu thuẫn, mới cung cấp. Hơn nữa, từ khi bị bệnh mẹ bà không đủ sức khỏe để ký vào tất cả văn bản. Khi cần xác nhận giấy tờ liên quan, Ủy ban nhân dân phường đều có người xuống đối chiếu với sổ cái về dấu V tay. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Tôn Nữ Ánh T có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản khai bà trình bày: Bà có cùng ý kiến với ý kiến của nguyên đơn. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người làm chứng - ông Nguyễn Quốc T không triệu tập được do các đương sự không cung cấp được địa chỉ cư trú hiện nay của ông T. Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng - bà Vũ Thị Kim T tại địa chỉ số 78 đường B, phường 6, quận Tân B, Tòa án đã không thể lấy lời khai người làm chứng do bà Kim T không biết, không giao tiếp được vì lý do sức khỏe, nên Tòa án không

ghi nhận được ý kiến của bà Vũ Thị Kim T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 373/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 39 và các Điều 464; 465; 466; 468; 469; 470; 476; 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5, khoản 11 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 184 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 149 và Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 632; Điều 634 và Điều 636 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Tôn Nữ Thu T về việc Tuyên hủy Di chúc số 027913 do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 18/7/2012;

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Tôn Nữ Thu T về việc Tuyên hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 027894 do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 10/7/2017;

3/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Tôn Nữ Thu T về việc “Công nhận toàn bộ tài sản của cụ Đỗ Thị Ngọc N có giá trị 11/20 (mười một phần hai mươi) Căn nhà đất số 58 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế theo pháp luật của các đồng thừa kế gồm: Bà Tôn Nữ Thu T, bà Tôn Nữ Mai H, bà Tôn Nữ Ánh Tuyết, bà Tôn Nữ Bạch Nhạn, bà Tôn Nữ Hồng V, bà Tôn Thanh L, ông Tôn Thất T, bà Tôn Thanh H và ông Tôn Thất T. Các đồng thừa kế được ghi tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 23266/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2002, đối với phần tài sản của cụ Đỗ Thị Ngọc N”.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 30/3/2021, nguyên đơn là bà Tôn Nữ Thu T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Tôn Nữ Thu T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Cao T cùng trình bày: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Thu T với các lý do: Phòng công chứng số 4 vi phạm nghiêm trọng Luật công chứng năm 2006 khi lập Di chúc số 027913 quyển số 7 ngày 18/7/2012 khi sử dụng chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng, sai tên lập Di chúc, xác định sai giới tính người lập Di chúc; Bà N không ký vào phiếu yêu cầu công chứng; Người thụ hưởng di chúc tham gia trực tiếp vào việc lập Di chúc trong khi bà Đỗ Thị Ngọc N già yếu, sức khỏe kém, không đủ minh mẫn, sáng suốt; Trước khi lập Di chúc, trong các buổi họp gia đình ý nguyện của bà N là chia đều cho các con. Biên bản họp gia đình ngày 26/4/2013 sau ngày lập Di chúc khẳng định bà N để lại tài sản cho tất cả các con;

Luật sư Trần Đình D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Tôn Nữ Mai H, bà Tôn Nữ Hồng V, bà Tôn Thanh L, bà Tôn Thanh H, ông Tôn Thất T thống nhất với lời trình bày của bà T và Luật sư T.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Quốc Dũng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tôn Nữ Ánh Tuyết, bà Tôn Nữ Bạch Nhạn, ông Tôn Thất T vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Trần Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà T cho rằng trước và sau khi lập di chúc, trong cuộc họp gia đình, ý nguyện của cụ N là cho tài sản cho tất cả các con. Điều này mâu thuẫn với lời trình bày của bà cho rằng tại thời điểm lập di chúc, cụ N già yếu, không đủ minh mẫn sáng suốt để tự mình định đoạt tài sản. Đồng thời, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh tại thời điểm lập di chúc, cụ N không đủ minh mẫn, sáng suốt. Mặt khác, tại giấy xác nhận số 370/GXN-BVTB ngày 25/6/2018 xác nhận cụ N “Đã được đăng ký khám sức khỏe làm di chúc tại nhà...Kết luận: Đủ sức khỏe. Theo tóm tắt bệnh án số 0144/TTBA-KHTH ngày 30/3/2018 của Bệnh viện Quận 10 điều trị cho cụ N từ ngày 10/3/2011 đến ngày 06/5/2013 chuẩn đoán cụ N bệnh: Tăng huyết áp, suy vành, bệnh thận mạn, đái

tháo đường típ 2, suy tĩnh mạch, thoái hóa khớp. Như vậy, không có cơ sở xác định cụ N không còn minh mẫn, sáng suốt khi lập di chúc ngày 18/7/2012 như bà T trình bày.

Những vấn đề bà T nêu trong đơn kháng cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và giải quyết đúng quy định pháp luật. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án nên không có cơ sở xem xét.

Bà T có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm do bà là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, bà T thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bà Tôn Nữ Thu T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào ngày 18/7/2012, cụ Đỗ Thị Ngọc N lập Di chúc với nội dung cho ông Tôn Thất T được thừa kế di sản do cụ N để lại là phần sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của cụ tọa lạc tại số 58 B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh. Di chúc được Phòng Công chứng số 4 chứng nhận, có hai người làm chứng là bà Vũ Thị Kim T, ông Nguyễn Quốc T.

Nguyên đơn kháng cáo cho rằng hai người làm chứng trong di chúc là không hợp lệ, không khách quan vì bà T có trình bày với phía nguyên đơn rằng bà T ký tên nhưng không biết nội dung của di chúc; còn ông T thì làm chứng vì phía bị đơn có hứa hẹn sẽ cho ông T mua lại căn nhà với giá rẻ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vì lý do sức khỏe nên bà T nằm một chỗ, không giao tiếp được còn ông T thì không biết địa chỉ cư trú nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bà T, ông T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại bản di chúc thể hiện bà T, ông T đã lăn tay, ký tên và tự viết nội dung xác nhận họ đã chứng kiến công chứng viên đọc lại nội dung di chúc cho cụ N nghe, cụ N trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, đã nghe rõ và công nhận nội dung di chúc là đúng; cụ N đã tự nguyện ký tên và lăn tay vào di chúc này trước sự chứng kiến của hai người làm chứng. Như vậy, việc bà T có lời trình bày với nguyên đơn rằng bà không biết nội dung di chúc là trái với những lời xác nhận do chính bà T tự viết ra. Nguyên đơn cũng

không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có lời hứa hẹn về lợi ích giữa bị đơn và ông T. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 632 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà T, ông T không thuộc những trường hợp không được làm chứng cho việc lập di chúc; việc bà T, ông T làm chứng trong di chúc là hợp pháp.

[2] Phía nguyên đơn trình bày tại thời điểm lập di chúc ngày 18/7/2012, cụ N không còn minh mẫn, sáng suốt. Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là bản Tóm tắt bệnh án ngày 14/3/2018 của Bệnh viện Nhân dân 115 và bản Tóm tắt bệnh án ngày 30/3/2018 của Bệnh viện Quận 10.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại hai bản tóm tắt bệnh án nêu trên chỉ thể hiện nội dung cụ N điều trị các bệnh về huyết áp, bệnh thận, đái tháo đường, suy tĩnh mạch, thoái hóa khớp, viêm phổi... trong thời gian tháng 3 đến tháng 5/2013 và trong tháng 5,6/2014. Sau khi điều trị cụ N đều ra viện trong tình trạng tỉnh, tiếp xúc tốt; không có nội dung thể hiện cụ N không được minh mẫn, sáng suốt. Tại Giấy chứng nhận sức khỏe ngày 11/7/2012 của Bệnh viện quận Tân B, thời điểm này trước khi cụ N lập di chúc một tuần, có nội dung: *“Lý do khám sức khỏe: Bổ túc hồ sơ lập di chúc và Kết luận: hiện tại đủ sức khỏe”*. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tại thời điểm lập di chúc cụ N minh mẫn, sáng suốt, đủ sức khỏe.

[3] Nguyên đơn trình bày Phiếu yêu cầu công chứng di chúc không có chữ ký của cụ N, lời chứng của công chứng viên tại trang 3 của di chúc được ghi *“Ông Đỗ Thị Ngọc N”*, tại thời điểm công chứng di chúc sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Ngọc M và đã hết hạn sử dụng... để cho rằng Di chúc không hợp lệ, không có giá trị. Hội đồng xét xử nhận thấy đây chỉ là những thiếu sót về mặt thủ tục; các đương sự tại phiên tòa đều xác nhận gia đình biết giấy chứng minh nhân dân của cụ N mang tên Đỗ Thị Ngọc M là có ghi sai tên, nhưng do thiếu hiểu biết nên không đi đổi, chỉnh sửa mà vẫn sử dụng. Công chứng viên đã thực hiện công chứng di chúc theo đúng quy định, chứng nhận năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện của cụ N, chứng thực chữ ký, dấu điểm chỉ của cụ N, của những người làm chứng. Nội dung của di chúc đầy đủ, đúng theo quy định tại Điều 653 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 631 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Thủ tục lập di chúc tại Phòng công chứng số 4 được thực hiện đúng theo Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 636 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm đã có căn cứ khi xác định Di chúc do Phòng Công chứng số 4 chứng nhận ngày 18/7/2012 là hợp pháp, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy Di chúc cũng như hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế

ngày 10/7/2017 khi được thực hiện căn cứ vào di chúc. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp do là người cao tuổi và có đơn nộp cho Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 652, 653, 654, 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 632, 634, 636 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Tôn Nữ Thu T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Tôn Nữ Thu T về việc Tuyên hủy Di chúc số 027913 do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 18/7/2012;

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Tôn Nữ Thu T về việc Tuyên hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 027894 do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 10/7/2017;

3/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Tôn Nữ Thu T về việc “Công nhận toàn bộ tài sản của cụ Đỗ Thị Ngọc N có giá trị 11/20 (mười một phần hai mươi) Căn nhà đất số 58 đường B, Phường 6, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế theo pháp luật của các đồng thừa kế gồm: Bà Tôn Nữ Thu T, bà Tôn Nữ Mai H, bà Tôn Nữ Ánh Tuyết, bà Tôn Nữ Bạch Nhạn, bà Tôn Nữ Hồng V, bà Tôn Thanh L, ông Tôn Thất T, bà Tôn Thanh H và ông Tôn Thất T. Các đồng thừa kế được ghi tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 23266/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 31/12/2002, đối với phần tài sản của cụ Đỗ Thị Ngọc N”.

4. Án phí dân sự:

Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0008129 ngày 05/4/2018 Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về lệ phí tố tụng: Bà Tôn Nữ Thu T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là lệ phí Tòa án đã ứng trong quá trình giải quyết vụ án. Bà T đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh